

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2023

NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mã ngành: 7340122

Trình độ: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2023

Số: 984/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 5 tháng 4 năm 2010 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành tại Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM.

Danh sách các ngành đào tạo và chương trình đào tạo đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, BĐCL.

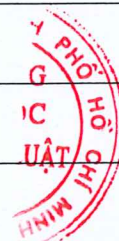
HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 984/QĐ-ĐHKTL ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	Mã ngành	Tên chương trình đào tạo	Khoa quản lý	Ghi chú
1	7310101	Kinh tế	Khoa Kinh tế	
2	7310106	Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế đối ngoại	
4	7310108	Toán kinh tế	Khoa Toán kinh tế	
5	7340101	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
6	7340115	Marketing	Khoa Quản trị kinh doanh	
7	7340201	Tài chính ngân hàng	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
8	7340205	Công nghệ tài chính	Khoa Tài chính - Ngân hàng	
9	7340301	Kế toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
10	7340302	Kiểm toán	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
11	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Hệ thống thông tin	
12	7340122	Thương mại điện tử	Khoa Hệ thống thông tin	
13	7380101	Luật	Khoa Luật	
14	7380107	Luật kinh tế	Khoa Luật kinh tế	



mk

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 984/QĐ-ĐHKTŁ ngày 19 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

Tên chương trình: **Thương mại điện tử**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Thương mại điện tử**

Mã ngành đào tạo: **7340122**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Bằng tốt nghiệp: **Cử nhân**

Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt**

Bộ môn phụ trách: **Thương mại điện tử**

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung	
Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng lập kế hoạch, phân tích, thiết kế, tư vấn và triển khai các giải pháp Thương mại điện tử nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh, quản lý, chuyển đổi số và đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	
Mục tiêu cụ thể	
PO 1	Đào tạo cử nhân ngành Thương mại điện tử có đầy đủ kiến thức chuyên môn cần thiết trong lĩnh vực thương mại điện tử: nắm vững ngành vụ kinh doanh và thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh, quản lý và ra quyết định dựa trên dữ liệu (Data-driven decision) tại doanh nghiệp.
PO 2	Đào tạo đội ngũ quản lý có kiến thức vững vàng trong hoạch định, xây dựng và triển khai hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
PO 3	Đào tạo nền tảng cho đội ngũ những chuyên gia Thương mại điện tử có khả năng lập kế hoạch, xây dựng, triển khai, đánh giá các chiến lược thương mại điện tử trong các doanh nghiệp, có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề của hoạt động thương mại điện tử trong kỷ nguyên số.

PO 4	Đào tạo nền tảng cho chuyên gia Thương mại điện tử có khả năng lên kế hoạch, tổ chức, thực hiện, quản trị quá trình số hóa dữ liệu, ứng dụng số hóa và chuyển đổi số toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng giải pháp thương mại điện tử trong doanh nghiệp.
PO 5	Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, khả năng tự chủ và có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, năng lực học tập suốt đời.

2. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành thương mại điện tử có thể làm việc tốt tại các vị trí cũng như các loại hình công ty như sau:

Các công ty, tập đoàn trong và ngoài nước cung cấp các giải pháp công nghệ thông tin, thanh toán điện tử, an toàn thông tin cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh về thương mại điện tử.

Các công ty xuất nhập khẩu ở các vị trí phát triển mở rộng thị trường, các công ty cung cấp nền tảng thương mại điện tử, các doanh nghiệp thực hiện việc chuyển đổi số.

Các doanh nghiệp có các hoạt động liên quan tới nghiên cứu thị trường trực tuyến, kinh doanh trực tuyến và truyền thông xã hội.

Các cơ quan quản lý nhà nước, hoạch định chính sách về thương mại điện tử, có khả năng học tập nâng cao và giảng dạy ở các Trường cao đẳng, đại học liên quan tới lĩnh vực thương mại điện tử.

Các hướng nghề nghiệp có thể lựa chọn như: Khởi nghiệp Thương mại điện tử, xây dựng Chiến lược kinh doanh Thương mại điện tử, Phân tích dữ liệu và giải pháp hỗ trợ ra quyết định trong Thương mại điện tử, xây dựng và phát triển hạ tầng Thương mại điện tử, Marketing điện tử, thanh toán điện tử và pháp luật trong Thương mại điện tử, cũng như nghề nghiệp liên quan tới quản lý quan hệ khách hàng và chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử.

Nắm vững các kiến thức cơ bản của ngành về kinh tế chính trị xã hội vào việc xác định, phân tích và triển khai các giải pháp để giải quyết các vấn đề về kinh tế và xã hội trong thực tiễn.

Sinh viên có khả năng nâng cao trình độ chuyên môn ở các cấp đào tạo cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ ở các trường đại học trong nước và quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra

Nội dung	Mã chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ*
A. Kiến thức	PLO 1	Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội, pháp luật, chính trị, kinh tế và kinh doanh để giải quyết các vấn đề thực tiễn	4

	PLO 2	Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành, khối ngành về kinh doanh quản lý để phân tích, thiết kế các giải pháp và phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định trong Thương mại điện tử	4
	PLO 3	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành nhằm phát triển, quản trị hệ thống, triển khai ứng dụng, tích hợp quy trình kinh doanh với các giải pháp Thương mại điện tử	4
	PLO 4	Phác thảo các chiến lược kinh doanh Thương mại điện tử để lập kế hoạch kinh doanh và điều hành các hoạt động chuyên môn	4
	PLO 5	Lập kế hoạch triển khai vận hành giải pháp Thương mại điện tử	5
B. Kỹ năng	PLO 6	Đề xuất các giải pháp thương mại điện tử nhằm nâng cao hiệu quả trong kinh doanh trực tuyến, marketing trực tuyến.	5
	PLO 7	Thể hiện khả năng phản biện, tư duy hệ thống trong việc nhận diện cơ hội kinh doanh, khởi nghiệp thông qua các mô hình kinh doanh thương mại điện tử.	5
	PLO 8	Hình thành ý tưởng các mô hình hệ thống, thiết kế và phát triển các giải pháp thương mại điện tử	5
	PLO 9	Thực hiện được quá trình giao tiếp đa phương tiện trong kỷ nguyên số, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh.	4
C. Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO 10	Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau, ý thức trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng.	4
	PLO 11	Thể hiện thái độ và tinh thần học tập tích cực, năng lực tự học, rèn luyện và phát triển bản thân suốt đời.	4

	PLO 12	Nhận dạng vấn đề, tổng hợp kiến thức, đánh giá và lập kế hoạch cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân và tổ chức.	4
--	--------	---	---

Danh sách các chỉ báo của Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	Trọng số (%)	Mức độ *
PLO 1	Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội, pháp luật, chính trị, kinh tế và kinh doanh để giải quyết các vấn đề thực tiễn		4
PI 1.1	Kiến thức Toán học kinh tế, xác suất, thống kê, kinh tế lượng	30	2
PI 1.2	Kiến thức Pháp luật, chính trị, an ninh quốc phòng	30	4
PI 1.3	Kiến thức về kinh tế và kinh doanh	20	4
PI 1.4	Kiến thức văn hóa, xã hội, tâm lý trong kỷ nguyên số	20	4
PLO 2	Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành, khối ngành về kinh doanh quản lý để phân tích, thiết kế các giải pháp và phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định trong Thương mại điện tử		4
PI 2.1	Vận dụng các kiến thức kế toán, tài chính và kinh doanh quản lý để giải quyết các vấn đề trong Thương mại điện tử	25	3
PI 2.2	Áp dụng các kiến thức về CNTT, Thương mại điện tử, an toàn bảo mật để phân tích và thiết kế giải pháp trong Thương mại điện tử	25	4
PI 2.3	Phân tích dữ liệu và khoa học ra quyết định	20	4
PI 2.4	Quản lý chuỗi cung ứng trong kỷ nguyên số	20	4
PI 2.5	Nền tảng công nghệ trong kỷ nguyên số	10	3
PLO 3	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành nhằm phát triển, quản trị hệ thống, triển khai ứng		4

	dụng, tích hợp quy trình kinh doanh với các giải pháp Thương mại điện tử		
PI 3.1	Các công cụ quản trị hệ thống Thương mại điện tử	20	3
PI 3.2	Phát triển hệ thống Thương mại điện tử	20	3
PI 3.3	Marketing điện tử	20	4
PI 3.4	Quản lý và phân tích dữ liệu trong Thương mại điện tử	20	4
PI 3.5	Các mô hình tích hợp quy trình kinh doanh với các giải pháp thương mại điện tử	20	4
PLO 4	Phác thảo các chiến lược kinh doanh Thương mại điện tử để lập kế hoạch kinh doanh và điều hành các hoạt động chuyên môn		4
PI 4.1	Lên kế hoạch chiến lược kinh doanh Thương mại điện tử	20	4
PI 4.2	Xây dựng chiến lược kinh doanh Thương mại điện tử	20	4
PI 4.3	Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị)	30	4
PI 4.4	Áp dụng kiến thức đơn ngành, đa ngành, liên ngành để giải quyết vấn đề	30	4
PLO 5	Lập kế hoạch triển khai vận hành giải pháp Thương mại điện tử		5
PI 5.1	Triển khai quá trình thực hiện số hóa dữ liệu	15	4
PI 5.2	Tích hợp hệ thống thương mại điện tử	20	4
PI 5.3	Thử nghiệm và đánh giá hệ thống	15	4
PI 5.4	Quản lý vận hành dự án tích hợp ứng dụng công nghệ trong chuyển đổi số và thương mại điện tử	25	5
PI 5.5	Lên kế hoạch đào tạo và thủ tục thực hiện (Huấn luyện và vận hành)	25	5

PLO 6	Đề xuất các giải pháp thương mại điện tử nhằm nâng cao hiệu quả trong kinh doanh trực tuyến, marketing trực tuyến.		5
PI 6.1	Xây dựng, kiểm định và bảo vệ giả thuyết	20	4
PI 6.2	Sử dụng các kỹ thuật khảo sát	20	5
PI 6.3	Kỹ năng tiếp cận và khai thác hiệu quả các phương tiện - công nghệ mới.	20	5
PI 6.4	Phân tích dữ liệu	20	4
PI 6.5	Các công cụ hiệu quả cho công nghệ Marketing	20	
PLO 7	Thể hiện khả năng phản biện, tư duy hệ thống trong việc nhận diện cơ hội kinh doanh, khởi nghiệp thông qua các mô hình kinh doanh thương mại điện tử.		5
PI 7.1	Phân tích được tác động của Thương mại điện tử đối với môi trường và xã hội	15	4
PI 7.2	Nắm bắt thích ứng được với bối cảnh xã hội, cơ cấu, văn hóa doanh nghiệp trong lĩnh vực Thương mại điện tử	15	4
PI 7.3	Phát triển một quan điểm toàn cầu về Thương mại điện tử dựa trên bối cảnh lịch sử và văn hóa	15	4
PI 7.4	Quản trị chuyển đổi số	20	3
PI 7.5	Xác định chiến lược, mục tiêu, và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp	20	5
PI 7.6	Nhận diện cơ hội kinh doanh, khởi nghiệp thông qua các mô hình kinh doanh Thương mại điện tử	15	4
PLO8	Hình thành ý tưởng các mô hình hệ thống, thiết kế và phát triển các giải pháp thương mại điện tử		4
PI 8.1	Khảo sát hiện trạng, xác định nguồn lực doanh nghiệp	15	4

PI 8.2	Xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp	15	4
PI 8.3	Xác định chức năng, nguyên lý và kiến trúc của hệ thống thương mại điện tử	15	3
PI 8.4	Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển và quản lý dự án tích hợp	15	3
PI 8.5	Xây dựng kế hoạch chiến lược kinh doanh Thương mại điện tử	20	4
PI 8.6	Lập kế hoạch quản lý vận hành, kiểm tra và đánh giá giải pháp Thương mại điện tử	20	4
PLO 9	Thực hiện được quá trình giao tiếp đa phương tiện trong kỷ nguyên số, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh.		4
PI 9.1	Kỹ năng giao tiếp đa phương tiện trong thời đại số	20	3
PI 9.2	Thuyết trình	20	3
PI 9.3	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột trong môi trường toàn cầu	20	4
PI 9.4	Kỹ năng kết nối nhiều người khác nhau để giao tiếp, thăm dò và dự đoán sự phản ứng trong công việc trên môi trường mạng	20	4
PI 9.5	Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 500; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương với bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam)	20	3
PLO 10	Thể hiện năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau, ý thức trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng.		4
PI 10.1	Kỹ năng làm việc độc lập trong các điều kiện khác nhau	25	4
PI 10.2	Kỹ năng làm việc nhóm, quản lý, truyền cảm hứng và tạo động lực cho nhóm	25	4

PI 10.3	Kỹ năng làm việc đa ngành, đa văn hóa và đa nền tảng	25	3
PI 10.4	Ý thức trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng	25	3
PLO 11	Thể hiện thái độ và tinh thần học tập tích cực, năng lực tự học, rèn luyện và phát triển bản thân suốt đời		4
PI 11.1	Sáng tạo và sẵn sàng ra quyết định chấp nhận rủi ro	20	4
PI 11.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	20	4
PI 11.3	Sự tự nhận thức và tích hợp kiến thức liên ngành	20	4
PI 11.4	Học tập và rèn luyện suốt đời	20	3
PI 11.5	Khả năng tổ chức và quản lý thời gian	20	4
PLO 12	Nhận dạng vấn đề, tổng hợp kiến thức, đánh giá và lập kế hoạch cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân và tổ chức.		4
PI 11.1	Khả năng nhận dạng vấn đề và đề xuất các giải pháp xử lý	20	4
PI 11.2	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống	20	4
PI 11.3	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý và Thương mại điện tử	20	4
PI 11.4	Khả năng hội nhập, chấp nhận sự khác biệt và công bằng	20	4
PI 11.5	Chịu áp lực cao, tin cậy và gắn bó với tổ chức	20	4

**Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Mức tự chủ và trách nhiệm/ Đạo đức trách nhiệm (1-5)*

4. Thời gian đào tạo

Chương trình đại học chuyên ngành Thương mại điện tử là 4 năm, 8 học kỳ.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Kiến thức	Khối lượng (tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương		
1.1. Các học phần lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (bắt buộc)	11	
1.2. Các học phần của Trường (bắt buộc)	15	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của Trường (tự chọn)	10	SV tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định, SV tự chọn 10 TC (5 học phần)
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (bắt buộc)	15	
2.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành (bắt buộc)	11	
2.3. Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)	6	
2.4. Kiến thức ngành/chuyên ngành	52	SV tự chọn 13 TC (5 học phần)
2.4.1. Các học phần bắt buộc	39	
2.4.2. Các học phần tự chọn	13	
2.5 Kiến tập, thực tập cuối khóa và Khóa luận TN/HP chuyên đề	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ – 20 TC, giáo dục thể chất – 6 TC và giáo dục quốc phòng và an ninh – 165 tiết

6. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học quốc gia Tp.HCM.

7. Quy trình đào tạo

7.1. Căn cứ pháp lý

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo:

Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của GDĐH;

Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình GDĐH;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành ĐT, đình chỉ hoạt động của ngành ĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của GDĐH;

Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Quyết định số 1268/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Quyết định số 953/QĐ-ĐHKTL ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định công tác Cố vấn học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Luật

7.2. Triển khai thực hiện chương trình

Phân bố thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo được chia làm 8 học kỳ.

Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.

Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.

Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 8

7.3 Phương pháp dạy và học

Kết hợp nhiều loại phương pháp dạy và học, trong đó có các phương pháp thuyết giảng chủ động, phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học tích cực theo nhóm, phương pháp trò chơi, case study, phương pháp dạy học tích cực theo dự án,

phương pháp blended learning, phương pháp hybrid learning.

7.4. Đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sinh viên phải được đánh giá đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, tương ứng với từng học phần sẽ có các chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện trong các bài kiểm tra quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ.

7.5. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp cử nhân chương trình đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-HCM và của Trường;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt trung bình trở lên (Không học phần nào có điểm dưới 5.0);
- Điểm rèn luyện đạt quy định theo Quy chế công tác sinh viên;
- Hoàn tất nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

8. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá thực hiện theo quy định của Quyết định số 1268/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1. Khối kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ

Khối kiến thức toàn khóa là 130 tín chỉ (không kể phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh)

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Khối kiến thức đại cương	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
				Tổng	Cơ sở khối ngành	Cơ sở nhóm ngành	Cơ sở ngành	Ngành/Chuyên ngành	Kiến tập, thực tập cuối khóa và khóa luận TN/HP chuyên đề
Đại học	4 năm	130	36	94	15	11	6	52	10

9.2. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1.1	Lý luận chính trị Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh		11				
Học phần bắt buộc							
1	BDG1001	Triết học Mác – Lênin	3	3			
2	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2			
3	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2			
4	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
5	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2			
1.2	Các học phần của Trường						
Học phần bắt buộc			15				
6	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3			

7	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3			
8	BLB1048	Nhập môn luật học	3	3			
9	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3			
10	BBB1067	Quản trị học	3	3			
Học phần tự chọn			10				
Nhóm 1			4				Chọn 2 HP
1	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	3			
2	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	3			
3	BDG1008	Xã hội học	2	3			
4	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	3			
5	BDG1010	Văn hóa học	2	3			
Nhóm 2			6				Chọn 3 HP
1	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2			
2	BDG1011	Logic học	2	2			
3	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2			
4	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2			
5	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2			

9.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

9.3.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành (khối khoa học xã hội và hành vi; khối kinh doanh và quản lý): 15 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			15				
1	BMM2024	Toán kinh tế	3	3			
2	BMA2022	Thống kê trong kinh doanh	3	3			
3	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3			
5	BMA2023	Kinh tế lượng	3	3			

9.3.2. Khối kiến thức cơ sở của nhóm ngành (khối kinh doanh và quản lý): 11 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			11				
1	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3	3			
2	BAA2029	Kế toán tài chính	3	3			
3	BFF2045	Quản trị tài chính	3	3			

4	BIM2050	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2			
---	---------	-------------------------------	---	---	--	--	--

9.3.3. Khối kiến thức cơ sở ngành: 6 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (Số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BIM3049	Tư duy lập trình	3	2	1		
2	BIE3004	Cơ sở dữ liệu	3	3			

9.3.4. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 52 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			39				
1	BIE4009	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	2	2			
2	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2	2			
3	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3	2	1		
4	BIE5043	Thương mại điện tử	3	3			
5	BIE4040	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	3	2	1		
6	BIE5030	Phát triển Web kinh doanh	3	2	1		

7	BIE4036	Quản trị bán lẻ trực tuyến	2	2			
8	BIM5022	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	3	3			
9	BIE4005	Công nghệ marketing	3	3			
10	BIE5031	Phát triển web kinh doanh nâng cao	2	1	1		
11	BIE4033	Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử	2	2			
12	BIM5001	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3	3			
13	BIE4039	Thanh toán điện tử	3	3			
14	BIE5028	Phát triển Thương mại di động	3	2	1		
15	BBM2066	Marketing	2	2			
Học phần tự chọn			13				
1	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2	2			
2	BRE2030	Kinh tế quốc tế	2	2			
3	BIE5038	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	2	2			
4	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	2	2			
5	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2	2			
6	BIM5026	Phân tích marketing số	2	2			

7	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3			
8	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3			
9	BIE4025	Phân tích dữ liệu WEB	3	3			
10	BIE4044	Thương mại trên mạng xã hội	3	3			
11	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	3			
12	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3			
13	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3			
14	BIM5017	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	3	3			

9.4. Kiến tập, thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề: 10 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
Học phần bắt buộc			10				
1	BUU6002	Kiến tập	2		2		
2	BUU6003	Thực tập cuối khóa	4		4		
3	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4			
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp			4				

1	BIE4048	Chuyên đề: Tự động hóa quy trình bằng Robot trong Thương mại điện tử	2	2			
2	BIM4034	Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ Thống Thông Tin	2	2			

9.5. Khối kiến thức ngoại ngữ: 20 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Khác
1	BVL1001	Tiếng Anh 1	5	5			
2	BVL1002	Tiếng Anh 2	5	5			
3	BVL1003	Tiếng Anh 3	5	5			
4	BVL1004	Tiếng Anh 4	5	5			

* Điều kiện tiên quyết theo các quy định của Chương trình Tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế - Luật hiện hành; sinh viên sẽ được miễn tiếng Anh khi có chứng chỉ quốc tế đáp ứng chuẩn đầu ra.

10. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tích lũy	Đã học và thi
HỌC KỲ 1			17					
Học phần bắt buộc			11					

1	BIE4009	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	2	2				
2	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	3				
3	BLB1048	Nhập môn Luật học	3	3				
4	BMM2024	Toán kinh tế	3	3				
Học phần tự chọn (5 chọn 3)			6					
5	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2	2				
6	BDG1011	Logic học	2	2				
7	BFF1047	Tài chính cá nhân	2	2				
8	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2	2				
9	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	2				
Học phần giáo dục thể chất								
10	BDG1012	Giáo dục thể chất 1	3					
HỌC KỲ 2			22					
Học phần bắt buộc			18					
1	BDG1001	Triết học Mác-Lênin	3	3				
2	BKB1046	Pháp luật doanh nghiệp	3	3				
3	BEE1038	Kinh tế vĩ mô	3	3				BEE1037
4	BAA2028	Nguyên lý kế toán	3	3				
5	BBB1067	Quản trị học	3	3				
6	BMA2022	Thống kê trong kinh doanh	3	3				BMM2024

Học phần tự chọn (5 chọn 2)			4					
7	BDG1006	Tâm lý ứng dụng	2	2				
8	BDG1007	Khoa học giao tiếp	2	2				
9	BDG1008	Xã hội học	2	2				
10	BDG1009	Quan hệ quốc tế	2	2				
11	BDG1010	Văn hóa học	2	2				
Học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng								
12	BDG1013	Giáo dục thể chất 2	3					
13	BDG1014	Giáo dục Quốc phòng (4 tuần)	165t					
HỌC KỲ 3			18					
Học phần bắt buộc			18					
1	BAA2029	Kế toán tài chính	3	3				BAA2028
2	BIM3049	Tư duy lập trình	3	2	1			
3	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3				BEE1038
4	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3	3				BMA2022
5	BIM2050	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2				BAA2028
6	BBM2066	Marketing	2	2				
7	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2	2				
HỌC KỲ 4			19					
Học phần bắt buộc			17					

1	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2				
2	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3	2	1			BIM3049
3	BFF2045	Quản trị tài chính	3	3				
4	BMA2023	Kinh tế lượng	3	3				BMA2022
5	BIE5043	Thương mại điện tử	3	3				
6	BIE3004	Cơ sở dữ liệu	3	3				BIM3049
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			2					
7	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2	2				
8	BRE2030	Kinh tế quốc tế	2	2				
HỌC KỲ 5			15					
Học phần bắt buộc			13					
1	BDG1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					
2	BIE4040	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	3	2	1			
3	BIE5030	Phát triển Web kinh doanh	3	2	1			BIM3049
4	BIE4036	Quản trị bán lẻ trực tuyến	2	2				
5	BIM5022	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	3	3				BIM3049
Học phần tự chọn (4 chọn 1)			2					
6	BIE5038	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	2	2				
7	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các	2	2				

		hệ thống ERP 1						
8	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2	2				
9	BIM5026	Phân tích marketing số	2	2				
HỌC KỲ 6			16					
Học phần bắt buộc			13					
1	BDG1005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2				
2	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
3	BIE4005	Công nghệ marketing	3	3				
4	BIE5031	Phát triển web kinh doanh nâng cao	2	1	1			BIE5030
5	BUU6002	Kiến tập	2		2			
6	BIE4033	Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử	2	2				
Học phần tự chọn (2 chọn 1)			3					
7	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	3				
8	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3	3				
HỌC KỲ 7			15					
Học phần bắt buộc			9					
1	BIM5001	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3	3				

2	BIE4039	Thanh toán điện tử	3	3				
3	BIE5028	Phát triển Thương mại di động	3	2	1			BIE5019
Học phần tự chọn chuyên sâu (6 chọn 2)			6					
4	BIE4025	Phân tích dữ liệu Web	3	3				
5	BIE4044	Thương mại trên mạng xã hội	3	3				
6	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3	3				
7	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3				
8	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3				
9	BIM5017	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	3	3				
HỌC KỲ 8			8					
Học phần bắt buộc			4					
1	BUU6003	Thực tập cuối khoá	4		4			
2	BUU6001	Khóa luận tốt nghiệp	4	4				
Học phần thay thế cho sinh viên không thực hiện khóa luận tốt nghiệp			4					
3	BIE4048	Chuyên đề: Tự động hóa quy trình bằng Robot trong	2	2				
4	BIM4034	Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin	2	2				

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

11.1. Học phần Giới thiệu ngành Thương mại điện tử

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần gồm 3 phần: Phần một: Giới thiệu cơ bản về ngành Hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm cơ bản về tổ chức, doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quản trị. Phần hai: Giới thiệu về chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý, cấu trúc các chuỗi học phần. Phần ba: Tham quan và tiếp xúc doanh nghiệp, cực sinh viên, thực hiện các tiểu luận, trình bày, thảo luận nhóm về các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin quản trị doanh nghiệp, các giải pháp hệ thống thông tin quản lý đang được áp dụng tại các doanh nghiệp hiện nay, các định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực hệ thống thông tin quản lý.

11.2. Học phần Kinh tế vi mô

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số. Thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số. Kết thúc học phần, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định. Phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế. Áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.

11.3. Học phần Nhập môn Luật học

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những khối kiến thức sau: Khối kiến thức chung về pháp luật như khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, các học thuyết pháp luật, nguồn luật và các dòng luật.; Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Xây dựng pháp luật và thực hiện pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Nhà nước và các định chế pháp lý; Nghề luật và các kỹ năng pháp lý cơ bản

11.4. Học phần Toán kinh tế

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Phần đầu của học phần trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính và một số ứng dụng cơ bản của đại số tuyến tính trong kinh tế, đặc

biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

11.5. Học phần Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ nghiên cứu các nguyên tắc đổi mới kinh doanh bằng việc ứng dụng các công nghệ khác nhau, thúc đẩy các chuyển đổi số trong kinh doanh và dẫn đến việc tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Học phần này còn thảo luận, sử dụng các công nghệ mới nổi hiện nay làm ví dụ, cách áp dụng các công nghệ này vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Qua đó, giúp sinh viên khám phá các cơ hội kinh doanh khác nhau mà công nghệ mới tạo ra và hiểu rõ hơn về cách chúng có thể dẫn đến những thay đổi lớn trong cách kinh doanh và cho phép tạo ra các doanh nghiệp thông minh. Cụ thể, học phần giới thiệu các vấn đề và công nghệ nền tảng trong thời đại mới như: Giới thiệu về công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số, điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence), công nghệ in 3D, chuỗi khối (Block chain), Internet vạn vật (Internet of Things).

11.6. Học phần Logic học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: HP Logic học là khoa học về tư duy hợp lý: giúp người học thao tác hóa khái niệm chính xác, hiệu quả; giúp nâng cao năng lực phán đoán; giúp suy luận hợp lý và Bác bỏ ngụy biện. Tóm lại Logic học là khoa học nâng cao kỹ năng tư duy hợp lý và hiệu quả trong quá trình nhận thức thế giới hiện thực và hoạt động thực tiễn.

11.7. Học phần Tài chính cá nhân

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần tài chính cá nhân là học phần đại cương tự chọn dành cho sinh viên năm 1 của tất cả các chuyên ngành. Học phần này đề cập chủ yếu đến khía cạnh quản lý tài chính cá nhân và gia đình. Học phần hướng tới cung cấp các khái niệm tài chính gắn liền với các vấn đề/ quyết định tài chính mà cá nhân và hộ gia đình thường xuyên đối mặt trên thực tế như: quản lý nguồn ngân quỹ/thu nhập; thuế; tiết kiệm; mua nhà và các tài sản giá trị, vay mượn, bảo hiểm, đầu tư, hoạch định kế hoạch tài chính học đại học và sau đại học. Thông qua học phần, sinh viên sẽ nắm bắt được các nguyên lý cũng như kỹ thuật/ phương pháp để quản lý nguồn thu-chi hay tài sản và nghĩa vụ tài chính của cá nhân/hộ gia đình. Thêm nữa, học phần này cũng đề

cập đến các trung gian tài chính trong mối quan hệ của các định chế tài chính với cá nhân/ hộ gia đình, cũng như nghiên cứu về các công cụ tài chính được các cá nhân và hộ gia đình sử dụng phổ biến. Nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan lập kế hoạch tài chính cá nhân, lập báo cáo tài chính cá nhân và phân tích, quản trị rủi ro tài chính cá nhân, chi tiêu và lối sống, vay mượn và mối quan hệ, phụng sự và sự nghiệp.

11.8. Học phần Sáng tạo và khởi nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này sẽ giúp người học khám phá năng lực sáng tạo của bản thân và nuôi dưỡng khả năng tư duy sáng tạo suốt đời. Cung cấp điểm khởi đầu để bồi đắp tư duy cởi mở và đón nhận sự khác biệt, học phần cũng khuyến khích sinh viên phát triển tư duy nhạy bén với những xu hướng chuyển động của thời đại số, chuẩn bị cho hành trình xây dựng sự nghiệp của bản thân trong tư thế tự chủ. Bên cạnh đó, học phần cũng bước đầu trang bị cho người học những nhận thức sơ khởi về kinh doanh và quản lý trong lĩnh vực khởi nghiệp, khuyến khích sinh viên tự phát triển năng lực khởi nghiệp của bản thân ở vai trò là người sở hữu, đồng sở hữu hoặc thành viên.

11.9. Học phần Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Marketing căn bản

Nội dung học phần: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. Kỹ năng Phong cách với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. Kỹ năng Động viên, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: Căn bản, an toàn, Xã hội, tôn trọng, Thể hiện. Kỹ năng Tâm lý với 3 thuộc tính của Tâm lý: Tính khí, Tính cách, Năng lực.

11.10. Học phần Giáo dục thể chất 1

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số HP thể thao như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, võ thuật, aerobic.

11.11. Học phần Triết học Mác – Lênin

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

11.12. Học phần Pháp luật doanh nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Pháp luật doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khóa học kinh doanh, nắm bắt các nội dung cơ bản của một số vấn đề pháp lý liên quan đến doanh nghiệp, các vấn đề pháp lý trong quan hệ kinh doanh nội bộ doanh nghiệp.

11.13. Học phần Kinh tế vĩ mô

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô

Nội dung học phần: Học phần tập trung vào các nội dung cơ bản như nghiên cứu cơ chế điều hành và các yếu tố quyết định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, xác định tổng cung, tổng cầu, vai trò và tác động của chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương và chính sách tỷ giá hối đoái, nghiên cứu và khám phá mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

11.14. Học phần Nguyên lý kế toán

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: Khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên HP thuộc khối ngành kinh tế.

11.15. Học phần Quản trị học

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức, phối hợp hoạt động có hiệu quả của Nhà quản trị nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức, trong điều kiện biến động của môi trường kinh doanh. Nội dung HP gồm 2 phần. Phần tổng quan trang bị cho người học những kiến thức chung về quản trị như: Khái niệm, vai trò của quản trị; sự ra đời và phát triển của các học thuyết về quản trị; môi trường quản trị, vai trò của thông tin trong quản trị; và việc ra quyết định trong quản trị. Phần nghiên cứu các chức năng của quản trị giới thiệu cho người học 4 chức năng chính của Nhà quản trị là: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, và chức năng kiểm tra.

Ngoài ra, học phần còn giới thiệu đến người học chân dung những Nhà quản trị đương thời, các kinh nghiệm thực tế liên quan đến vấn đề quản trị ở các công ty; và một số ứng dụng của các học thuyết quản trị trong các doanh nghiệp trong nước và trên thế giới được lồng ghép trong từng chương

11.16. Học phần Thống kê trong kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Toán Kinh Tế

Nội dung học phần: Bộ cục học phần gồm 3 phần Thống kê mô tả, Xác suất và Thống kê suy diễn nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp cơ bản phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

11.17. Học phần Tâm lý ứng dụng

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung tóm tắt học phần: Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Tâm lý học nói chung; vài nét về lịch sử hình thành Tâm lý học; bản chất của hiện tượng Tâm lý người; những đặc điểm đặc trưng của các hiện tượng Tâm lý cơ bản của con người: các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách và một số hiện tượng tâm lý trong tập thể.

11.18. Học phần Khoa học giao tiếp

Thời lượng (số tín chỉ): 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung tóm tắt học phần: Khoa học giao tiếp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức đại cương dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, luật với nội dung bao gồm hệ thống tri thức trọng tâm nhất về giao tiếp. Học phần sẽ được hệ thống hóa và trang bị những vấn đề chung về chung của giao tiếp như khái niệm, nguyên tắc, chức năng, vai trò của hoạt động giao tiếp; hình thức, phương tiện giao tiếp; giao tiếp xã hội và hệ thống kỹ năng giao tiếp cần phát triển cho sinh viên để đáp ứng yêu cầu hoạt động học tập và công việc trong tương lai.

11.19. Học phần Xã hội học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên không chuyên ngành xã hội học nói chung, các trường đại học không chuyên nói riêng những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận Xã hội học, bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành khoa học xã hội trong tiến trình phát triển của nhận thức, tiến bộ xã hội và khoa học kỹ thuật; các khái niệm, phạm trù cơ bản của xã hội học; các lĩnh vực nghiên cứu chính của khoa học xã hội học trong đời sống con người thông qua các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học tập học phần xã hội học.

11.20. Học phần Quan hệ quốc tế

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., học phần còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung học phần gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

11.21. Học phần Văn hóa học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau: Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học; Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học; Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch; Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

11.22. Học phần Giáo dục thể chất 2

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số HP thể thao như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, võ thuật, aerobic...

11.23. Học phần Giáo dục QP (4 tuần)

Thời lượng: 165 tiết

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc học phần, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

11.24. Học phần Kế toán tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu – các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm).

11.25. Học phần Tư duy lập trình

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tư duy lập trình, cách tiếp cận các phương pháp lập trình, viết lưu đồ giải thuật. Kỹ năng lập trình các ứng dụng cơ bản với ngôn ngữ Python, cách tách chương trình thành nhiều module để xử lý, cách chuyển thể các nghiệp vụ ngoài đời thực vào phần mềm máy tính.

11.26. Học phần Nguyên lý thị trường tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Nội dung học phần: Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng,

phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức)

11.27. Học phần Phân tích dữ liệu

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Thông kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Khóa học này giới thiệu các nguyên tắc cơ bản về phân tích dữ liệu với python. Đầu tiên, nó đánh giá một số thư viện python phổ biến nhất trong khoa học dữ liệu, Numpy, Pandas và Matplotlib. Sau đó, nó tập trung vào các khái niệm cơ bản về thống kê, phân tích chuỗi thời gian và xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Khóa học tuân theo một loạt các dự án phân tích dữ liệu với python làm công cụ. Khóa học sử dụng phương pháp thực hành, tích hợp các khái niệm về phân tích dữ liệu với các ví dụ về mã nguồn Python.

11.28. Học phần Hệ thống thông tin kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Nội dung học phần: Học phần dành cho sinh viên năm hai thuộc khối ngành kinh doanh – quản lý. Học phần giới thiệu về cách thức các doanh nghiệp sử dụng công nghệ để quản trị các hoạt động kinh doanh và quản lý trong thực tế. Các nội dung trong học phần hoàn toàn mang tính cập nhật với thực tiễn, người học được tiếp cận và thực hành trên các hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại nhất hiện nay là SAP Business Suite ERP và SAP Business One ERP. Các nội dung thực hành được thiết kế theo tình huống nhập vai (case study), qua đó, người học đóng vai trò là nhân viên trong một doanh nghiệp có quy mô đa quốc gia, làm việc ở các vị trí khác nhau và tham gia tác nghiệp trong các quy trình nghiệp vụ theo ngữ cảnh (business scenario). Toàn bộ tài liệu thực hành, bài tập tình huống, bài giảng và các hệ thống phần mềm sử dụng trong học phần được cung cấp bởi tập đoàn SAP thông qua chương trình SAP UAP (SAP University Alliances Program) mà trường Đại học Kinh tế - Luật là một thành viên. Học phần là khởi đầu cho nhóm học phần tự chọn mở rộng của ngành Hệ thống thông tin quản lý (dành cho sinh viên cuối năm 3 và năm 4), qua đó, người học tiếp tục được trang bị các kiến thức chuyên sâu về SAP ERP, và có thể sẵn sàng làm việc trong các doanh nghiệp tư vấn, triển khai cũng như sử dụng các hệ thống ERP với các vị trí như: Tư vấn triển khai ERP (ERP Consultant), Tư vấn nghiệp vụ (Business Functional Consultant), Kỹ sư cầu nối (Bridge Engineer), Kiểm toán hệ thống thông tin (IT Audit).

11.29. Học phần Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về nền tảng mạng, công nghệ cho kết nối IOT cho hạ tầng công nghệ.

11.30. Học phần Marketing

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần Marketing căn bản tập trung giảng dạy các lý thuyết cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng, chiêu thị và thương hiệu.

11.31. Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C. Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

11.32. Học phần Kỹ thuật lập trình

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tư duy lập trình

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về kỹ năng lập trình ứng dụng với Python, kiến thức về lập trình hướng đối tượng, xử lý tập tin, đóng gói thư viện

11.33. Học phần Quản trị tài chính

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thị trường tài chính

Nội dung học phần: HP Quản trị tài chính là học phần cơ sở ngành bắt buộc dành cho sinh viên năm 2 (học kỳ 4) của các ngành kinh tế, kinh doanh. Học phần Quản trị tài chính gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro và lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu

tư. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: Tổng quan về quản trị tài chính, báo cáo tài chính và dòng tiền, phân tích báo cáo tài chính, giá trị theo thời gian của tiền, rủi ro và lợi nhuận, các tiêu chí đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư, ước lượng dòng tiền và đánh giá rủi ro dự án.

11.34. Học phần Kinh tế lượng

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần này giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, học phần sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

11.35. Học phần Cơ sở dữ liệu

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tư duy lập trình

Nội dung học phần: Học phần trình bày về vai trò, nhu cầu và cách thức của việc quản trị dữ liệu có cấu trúc trong các hệ thống thông tin doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các mô hình cơ sở dữ liệu phổ biến, đi sâu vào trình bày và phân tích về mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và các ứng dụng. Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có đủ các kỹ năng và kiến thức cần thiết để thực hiện đầy đủ các giai đoạn của quá trình xây dựng một cơ sở dữ liệu đáp ứng nhu cầu lưu trữ và khai thác thông tin cho các vấn đề quản trị được đặt ra. Học phần gồm 4 phần: Phần một: Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, các giai đoạn xây dựng cơ sở dữ liệu; Phần hai: Sử dụng ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL trong quản trị cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin; Phần ba: Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để đánh giá và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu; Phần bốn: Lập trình phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu với Python.

11.36. Học phần Hệ thống thông tin quản lý

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần gồm 4 phần (i) Phần một: giới thiệu các kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin. (ii) Phần hai: cung cấp các kiến thức về các loại hệ thống thông tin theo các khía cạnh quản lý và chức năng; các hệ thống thông tin trong thực tế hiện nay như ERP, SCM, CRM. (iii) Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin. (iv) Phần bốn: giới thiệu kiến thức để quản lý, bảo mật và kiểm soát hệ thống thông tin.

11.37. Học phần Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: HP “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu liên ngành, định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu liên ngành trong hệ thống thông tin quản lý và thương mại điện tử. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) và cách thức trình bày kết quả một nghiên cứu cũng như vận dụng phương pháp được học trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên.

11.38. Học phần Kinh tế quốc tế

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động kinh tế quốc tế và ứng dụng kiến thức để thiết kế một hạng mục trong một dự án xuất nhập khẩu, từ đó tạo ra các sản phẩm liên quan đến hạng mục này. Ngoài ra, Học phần cũng nghiên cứu các phương pháp học tập chủ động, các kỹ năng về làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp trong kinh doanh, thái độ sống tích cực và các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

11.39. Học phần Chủ nghĩa Xã hội Khoa Học

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

11.40. Học phần Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần gồm 2 phần. Phần một: Học phần giới thiệu về cơ bản SQL sử dụng kỹ thuật CSDL Oracle 11g. Học phần giới thiệu các khái niệm CSDL quan hệ và ngôn ngữ lập trình SQL. Học phần cung cấp các kỹ năng SQL cần

thiết cho phép các nhà phát triển phần mềm viết các văn tin lấy dữ liệu từ một hoặc nhiều bảng dữ liệu, thao tác dữ liệu trong các bảng dữ liệu. Tìm hiểu các đối tượng trong lược đồ CSDL. Tạo các tập tin chỉ mục, các ràng buộc. Tạo và văn tin các bảng dữ liệu ngoài, chuyển đổi dữ liệu trong ứng dụng nhà kho dữ liệu Phần hai: tìm hiểu tóm tắt các thành phần kiến trúc của CSDL, quyền hệ thống và quyền đối tượng trong CSDL. Sử dụng công cụ Enterprise Manager (EM) tạo user, gán quyền, tạo các vùng lưu trữ dữ liệu. Học phần sử dụng công cụ chính là Oracle SQL Developer và sử dụng SQL*Plus là công cụ tùy chọn.

11.41. Học phần Phát triển Web Kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tư duy lập trình

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức để thiết kế và lập trình website kinh doanh đơn giản thông qua các ngôn ngữ lập trình phía máy khách: ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, XML, mô hình DOM, Angular.

11.42. Học phần Phát triển Web Kinh doanh nâng cao

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Phát triển Web Kinh doanh

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức để thiết kế và lập trình website kinh doanh nâng cao thông qua các ngôn ngữ lập trình phía máy khách và máy chủ: Thiết kế, xây dựng và triển khai ứng dụng web kinh doanh với các front-end, back-end frameworks phổ biến. Làm việc thành thạo với các front-end frameworks: Angular, Vuejs, Reactjs,...; back-end: ExpressJs + Nodejs + MogoDB...

11.43. Học phần Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Tư duy lập trình

Nội dung học phần: Học phần gồm 2 phần. Phần một: giới thiệu và ôn lại các kiến thức về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý nói riêng; trình bày các giai đoạn và các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình phân tích và thiết kế, ưu khuyết điểm của các phương pháp; thực trạng ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan. Phần hai: trình bày cụ thể từng giai đoạn như khảo sát hiện trạng, phân tích yêu cầu, thiết kế các thành phần, đề xuất các giải pháp xây dựng

11.44. Học phần Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp – ERP system. Trong đó, học phần trình bày các khái niệm liên quan đến tổ chức, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trong tổ chức và sự hỗ trợ của hệ thống thông tin doanh nghiệp trong quá trình tin học hóa hoạt động kinh doanh.

11.45. Học phần Phân tích marketing số

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này nằm trong chuỗi các học phần theo hướng ngành Thương mại điện tử - Emarketing nhằm giúp sinh viên hình thành cách nhận thức về phân tích Marketing số. Thông qua việc cung cấp kiến thức nền tảng, lý thuyết và thực hành về phân tích Marketing số, học phần sẽ giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích, thiết lập và phân tích Marketing số. Đồng thời, định hướng nghề nghiệp chuyên sâu cho sinh viên trong lĩnh vực Marketing

11.46. Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng. Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

11.47. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

11.48. Học phần Kiến tập (406)

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Chương trình kiến tập là bắt buộc đối với sinh viên chính qui chương trình trải nghiệm tại doanh nghiệp và hoàn tất một báo cáo kiến tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự hỗ trợ từ doanh nghiệp. Chương trình nhằm giúp sinh viên định hướng rõ hơn và có niềm đam mê hơn để đeo đuổi nghề nghiệp đã lựa chọn. Chương trình còn giúp sinh viên có điều kiện học hỏi thêm những kiến thức và kỹ năng được áp dụng trong môi trường cụ thể tại doanh nghiệp. Trong quá trình kiến tập, sinh viên có thể quan sát các hoạt động tại doanh nghiệp, có thể được trao đổi, học hỏi và rút ra những bài học kinh nghiệm. Thông qua việc quan sát môi trường thực tế, sinh viên sẽ hiểu rõ ràng hơn về tầm quan trọng của những kiến thức và kỹ năng được đào tạo trên giảng đường. Bên cạnh đó, khi sinh viên trải qua quá trình kiến tập, nhiều kỹ năng mềm của sinh viên sẽ được trau dồi và nâng cao hiệu quả bởi buổi huấn luyện từ các chuyên gia tại doanh nghiệp. Cũng thông qua việc quan sát thực tế đó, sinh viên có cơ hội trao đổi cùng các nhân viên nơi kiến tập, những kiến thức kỹ năng mềm của sinh viên sẽ dần hoàn thiện hơn giúp sinh viên lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và cũng từ đó, sinh viên có nhiều lợi thế hơn trong giai đoạn tìm kiếm công việc chuẩn bị cho thực tập cuối khóa và việc làm sau khi tốt nghiệp.

11.49. Học phần Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1

Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức nâng cao của học phần Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1.

11.50. Học phần Kỹ thuật kiểm thử phần mềm

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng phán đoán, phát hiện lỗi phần mềm, cách thức lên kế hoạch kiểm thử, viết tài liệu kiểm thử. (i) Tổng quan về kiểm thử phần mềm, (ii) Kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm, (iii) Thiết kế trường hợp kiểm thử, (iv) Các công cụ hỗ trợ kiểm thử, (v) Kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử.

11.51. Học phần Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần này trình bày một số kỹ thuật máy học trong bối cảnh kinh doanh và quản lý. Các doanh nghiệp đang áp dụng công nghệ học máy (Machine Learning, ML) với tốc độ nhanh chóng. Bên cạnh đó, học phần này sẽ giúp sinh viên tìm hiểu và áp dụng một số phương pháp phân loại và dự đoán dùng các phương pháp học máy có giám sát. Ứng dụng các phương pháp học máy nhằm phân tích hành vi và trải nghiệm của khách hàng để cải thiện ra quyết định và hướng đến

phát triển sản phẩm mới, hầu như không có lĩnh vực kinh doanh hiện đại nào không thể không cần đến học máy.

11.52. Học phần Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Đã học và thi HP cơ sở dữ liệu BIE3004

Nội dung học phần: Học phần này giúp cho sinh viên hiểu rõ và có khả năng cài đặt, vận hành và khai thác giải pháp quản trị và khai thác trí tuệ nhân tạo (Business Intelligences - BI). Việc quản lý dữ liệu, thông tin và đưa ra những thông kê, báo cáo đóng vai trò rất quan trọng đối với mọi đơn vị, tổ chức và đặc biệt là các doanh nghiệp. Các thông kê báo cáo trong BI nhằm cung cấp các thông tin trực quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp các nhà quản trị trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược cũng như xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn. Các con số, biểu mẫu thông kê là cơ sở quan trọng nhất để kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, chiến lược và chính sách đó. Việc học học phần này, sẽ giúp cho sinh viên vận dụng chuỗi các học phần trước đó như: Cơ sở dữ liệu, các HP về kế toán, tài chính và quản lý để tổ chức một hệ thống BI hỗ trợ ra quyết định tốt hơn trong doanh nghiệp dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu bên trong và bên ngoài doanh nghiệp và điều này giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, học phần này sẽ giúp cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng mềm và thái độ trong công việc sau này.

11.53. Học phần Chuyển đổi số trong kinh doanh

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu kinh nghiệm “thực chiến” cho quá trình Chuyển đổi số của tác giả Lindsay Herbert- người phụ trách chuyển đổi số tại IBM, trực tiếp chỉ đạo các dự án đổi mới quy mô lớn trên toàn cầu trong mọi lĩnh vực tổ chức, đồng thời là diễn giả nổi tiếng trong lĩnh vực chuyển đổi số. Các bạn sẽ được tham gia vào một buổi thảo luận chi tiết về năm giai đoạn cơ bản của quá trình chuyển đổi số, đó là: 1) Thu hẹp khoảng trống: Thu hẹp khoảng trống những khác biệt vốn có giữa doanh nghiệp với khách hàng và với những thay đổi đang diễn ra hằng ngày trong môi trường kinh doanh; 2) Khám phá: Khám phá các rào cản ẩn trong tổ chức của bạn, tài sản hữu ích và các tài nguyên cần thiết để lập kế hoạch cũng như ưu tiên các tuyến đường để chuyển đổi số; 3) Lắp lại: Lắp lại chu kỳ ngắn, thử nghiệm thực tế với người dùng và thúc đẩy những đổi mới có thể mở rộng; 4) Sử dụng đòn bẩy: Sử dụng đòn bẩy thành công sẽ loại bỏ được các rào cản, tiếp cận được những nguồn lực lớn hơn, mở rộng tầm ảnh hưởng và phạm vi hoạt động; 5) Mở rộng: Mở rộng đổi mới và cách thức làm việc để thích nghi và thay đổi loại hình “doanh nghiệp bình thường” mới.

11.54. Học phần Thương mại điện tử

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về TMĐT cũng như các vấn đề cần nắm bắt liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT, xây dựng dự án kinh doanh thương mại điện tử.

11.55. Học phần Hệ thống thông tin kế toán

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, giúp sinh viên hệ thống hóa các học phần trong ngành quản trị doanh nghiệp, từ đó tổ chức hệ thống thông tin kế toán nhằm kiểm soát tài sản cũng như cung cấp kịp thời các thông tin hữu ích cho nhà quản trị trong và ngoài doanh nghiệp khi ra quyết định kinh doanh. Học phần được bắt đầu từ giới thiệu hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, kể đến sẽ mô tả các quy trình kinh doanh chính và mục tiêu kiểm soát trong từng quy trình, và cuối cùng là các tiêu chí, cơ sở để lựa chọn, vận hành hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Thông qua lý thuyết được trình bày trên lớp, kết hợp với các tài liệu tham khảo được hướng dẫn, sinh viên sẽ tiến hành xây dựng một hoặc vài quy trình kinh doanh cụ thể tại một đơn vị kinh doanh. Các quy trình này phải phù hợp với quy mô, yêu cầu quản lý và mang tính khả thi.

11.56. Học phần Phát triển ERP mã nguồn mở

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật lập trình

Nội dung học phần: Tìm hiểu mã nguồn mở, ngôn ngữ lập trình và ứng dụng mã nguồn mở để phát triển hệ thống ERP cơ bản.

11.57. Học phần Phân tích dữ liệu nâng cao

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Doanh nghiệp trong hầu hết các ngành đều dùng dữ liệu làm căn cứ để đưa ra những quyết định quan trọng để đạt được lợi thế cạnh tranh, kích cầu, tìm kiếm khách hàng mới, cải thiện hệ thống vận hành nội bộ, tối đa hóa lợi nhuận cũng như để đạt được nhiều mục tiêu khác. Chính vì thế, kỹ năng phân tích dữ liệu trở nên rất cần thiết để cung cấp các thông tin hữu ích giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định phù hợp. Học phần này cung cấp các kiến thức về học sâu (Deep Learning), một trong những kỹ thuật tiên tiến được áp dụng vào phân tích dữ liệu kinh doanh giúp cải thiện hiệu suất dự đoán so với các mô hình từ học máy truyền thống.

11.58. Học phần Phát triển thương mại di động

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật lập trình

Nội dung học phần: Điện toán di động, nền tảng kỹ thuật về lập trình ứng dụng di động trên nền tảng Android, mức độ front-end. Khái niệm thương mại di động và các mô hình, hình thức kinh doanh và tiếp thị.

11.59. Học phần Nghệ thuật lãnh đạo

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Trên nền tảng hiểu được bản chất của con người, các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của con người, các qui luật tâm lý, người học có thể vận dụng kiến thức về các kỹ năng của nhà lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) vào trong việc xử lý các tình huống thực tế, nhằm đạt được hiệu quả trong quản lý. Sinh viên có thể vận dụng linh hoạt từng kỹ năng của nhà lãnh đạo vào ứng xử các tình huống cụ thể. Kỹ năng Phong cách với Mô hình 3 phong cách: Độc đoán, Dân chủ, Tự do. Kỹ năng Quyền hạn, quyền lực với cơ sở 3 quyền lực: Vị trí, Cá nhân, chính trị. Kỹ năng Động viên, thuyết phục với ứng dụng thuyết Maslow 5 bậc nhu cầu: căn bản, an toàn, xã hội, tôn trọng, thể hiện. Kỹ năng tâm lý với 3 thuộc tính của tâm lý: tính khí, tính cách, năng lực.

11.60. Học phần Hệ khuyến nghị

Thời lượng (số tín chỉ): 3

Điều kiện tiên quyết: Đã học và thi học phần Cơ sở dữ liệu

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên cũng như người học những kiến thức căn bản về hệ khuyến nghị, phân loại các hệ khuyến nghị, các độ đo về tính tương đồng, các chỉ số đánh giá trong hệ khuyến nghị. Những kiến thức nền tảng về các hệ khuyến nghị dựa theo lọc cộng tác, các hệ khuyến nghị dựa trên nội dung. Bên cạnh đó những phương pháp cho dự đoán cho hệ khuyến nghị cũng được nghiên cứu ở mức căn bản và nâng cao. Những kỹ thuật học máy dành cho các hệ khuyến nghị lọc cộng tác cũng được xem xét như KNN và các biến thể của nó, SAR; các mô hình phân rã ma trận: SVD, SVD++, NMF, ALS. Học phần cũng cung cấp các kiến thức về hệ khuyến nghị lọc cộng tác dùng các mô hình nâng cao như các mô hình tuần tự (A2SVD, Caser, SUM, SLi-Rec), các mô hình dựa trên tính chất phái sinh (VAE, BiVAE), các mô hình dựa trên học sâu (FastAI, NCF, LightGCN...). Các kiến thức nền tảng về hệ khuyến nghị dựa theo nội dung cũng được thảo luận và nghiên cứu (TF-IDF, Word2Vec, GloVe, Doc2Vec, Bert ...). Bên cạnh đó, những khái niệm, những kiến thức nền tảng về hệ khuyến nghị lai cũng được đưa vào nội dung của học phần.

11.61. Học phần: Giới thiệu chuyên ngành Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo; trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp học đại học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo, giao tiếp văn bản và trình bày ý kiến. Học phần này còn giới thiệu chi tiết từng học phần và từng chuỗi học phần thuộc chương trình đào tạo cũng sẽ được giới thiệu để sinh viên có thể định hướng rõ ràng trong suốt quá trình học tập, khám phá tiềm năng của bản thân để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và cảm hứng để học ngành đã chọn. Sinh viên được tham quan và tìm hiểu thực tế doanh nghiệp, khảo sát các ngành nghề kinh doanh thông qua các website thương mại điện tử trên Internet, các quy trình kinh doanh và phân tích dữ liệu để phục vụ mục đích quản trị doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên khả năng vận dụng các kỹ thuật khai phá dữ liệu nhằm phát hiện các tri thức mới hỗ trợ ra quyết định tại tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực cụ thể.

11.62. Học phần Thực tập cuối khóa

Thời lượng (số tín chỉ): 4

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Thực tập cuối khóa là đợt thực tập bắt buộc đối với sinh viên hệ chính quy nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tiễn, củng cố những kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo thông qua một báo cáo thực tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên và doanh nghiệp. Thực tập cuối khóa giúp sinh viên kết nối kiến thức và kỹ năng được đào tạo với thực tiễn liên quan đến ngành nghề, tạo điều kiện cho sinh viên hiểu biết sâu hơn về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tham gia vào các hoạt động và thậm chí có cơ hội được giao thực hiện các công việc thực tế tại công ty như một người nhân viên. Thực tập cuối khóa cũng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tư duy sáng tạo trong thực tiễn rèn luyện những kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của những nghiệp vụ, những công việc cụ thể tại đơn vị thực tập. Bên cạnh đó, thực tập cuối khóa cũng nhằm giúp sinh viên xây dựng được tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn, có thái độ tích cực hơn với ngành nghề, tiếp cận thực tiễn để hiểu sâu hơn về công tác nghiệp vụ. Hơn thế nữa, sinh viên có nhiều cơ hội tìm hiểu sâu về chuyên môn nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và những công tác cụ thể thuộc về chuyên ngành đào tạo trong cơ quan thực tập, giúp sinh viên nêu cao ý thức trách nhiệm trong công việc và chuẩn bị cho nghề nghiệp đã lựa chọn sau khi tốt nghiệp.

11.63. Học phần Chuyên đề: Big Data và Ứng dụng (SV không làm KLTN)

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về Big Data: Các khái niệm cơ bản, những lợi ích của Big Data, cũng như các công cụ hỗ trợ cho xử lý dữ liệu lớn như Hadoop, Spark... Bên cạnh đó, sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức về xử lý dữ liệu lớn, hiểu được cơ chế, nguyên lý hoạt động của việc xử lý luồng dữ liệu trực tuyến trên môi trường Big Data. Ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị các kiến thức về các thư viện, các kỹ thuật liên quan đến học máy có giám sát, học máy không giám sát và học sâu (Deep Learning) để giải quyết các vấn đề thu thập, tiền xử lý dữ liệu, lựa chọn mô hình, tinh chỉnh mô hình và đánh giá mô hình để phân tích dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu trên môi trường Big Data.

11.64. Học phần Chuyên đề: Quản lý dự án Hệ thống thông tin

Thời lượng (số tín chỉ): 2

Điều kiện tiên quyết: Kỹ thuật lập trình, Phân tích và Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý

Nội dung học phần: Học phần này cung cấp các kiến thức căn bản về quản lý dự án hệ thống thông tin bao gồm các tiến trình được thực hiện trong dự án và mô hình triển khai dự án phần mềm. Ứng với mỗi tiến trình, sinh viên sẽ được tìm hiểu chi tiết về các công việc quản lý sẽ được thực hiện cũng như nắm rõ đầu vào và đầu ra của mỗi tiến trình.

11.65. Khóa luận tốt nghiệp

Thời lượng (số tín chỉ): 4

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung học phần: Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên có điều kiện và cơ hội trong việc nâng cao kiến thức và rèn luyện được thêm nhiều kỹ năng chuyên sâu cần thiết thông qua việc thực hiện một nghiên cứu thuộc ngành đào tạo nhằm giải quyết vấn đề thực tế. Sau khi hoàn thành xong báo cáo khóa luận, sinh viên sẽ rèn luyện được khả năng tư duy, biết cách đặt vấn đề để đưa ra cách giải quyết một cách độc lập và sáng tạo. Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị và phát huy sở trường của mình thông qua việc thực hiện công trình nghiên cứu khoa học. Cụ thể hơn, khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên hệ thống hóa các kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài nghiên cứu một cách có khoa học và sáng tạo; rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo; và rèn luyện cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình thông qua một báo cáo kết quả nghiên cứu có khả năng liên hệ với thực tiễn.

12. Đội ngũ giảng viên (xem Phụ lục)

12.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần giảng dạy
1	Mai Lê Thúy Vân	1982	ThS, Kinh tế	16	Kinh tế vi mô
2	Huỳnh Thị Ly Na	1988	ThS, Kinh tế	12	Kinh tế vĩ mô
3	Phạm Mỹ Duyên	1981	TS, Kinh tế chính trị	17	Kinh tế chính trị Mác Lênin
4	Nguyễn Thị Thu Trang	1981	TS, Luật kinh tế	17	Nhập môn luật học
5	Đào Thị Thu Hằng	1977	ThS, Luật kinh tế	18	Luật doanh nghiệp
6	Nguyễn Đình Uông	1979	ThS, Toán ứng dụng	14	Toán kinh tế
7	Phạm Hoàng Uyên	1976	TS, Toán (XSTK)	23	Thống kê trong kinh doanh
8	Lê Thanh Hoa	1983	ThS, Lý thuyết xác suất và thống kê toán	12	Phân tích dữ liệu
9	Phạm Quốc Thuận	1974	TS, Kinh doanh và quản lý	23	Nguyên lý kế toán
10	Phan Đức Dũng	1967	PGS. TS, Kế toán	20	Kế toán tài chính Kinh tế lượng
11	Hoàng Thọ Phú	1971	ThS, Quản trị kinh doanh	20	Nguyên lý thị trường tài chính
12	Trần Thị Hồng Liên	1983	TS, Quản trị kinh doanh	10	Quản trị học Sáng tạo và khởi nghiệp
13	Phùng Thanh Bình	1984	TS, Quản trị kinh doanh	10	Marketing

14	Trần Thị Ánh	1986	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	7	Giới thiệu ngành (411)
					Phát triển Web kinh doanh
					Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử
					Quản trị bán lẻ trực tuyến
					Thương mại điện tử
15	Phạm Mạnh Cường	1986	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	8	Marketing điện tử
					Pháp luật Thương mại điện tử
					Thanh toán điện tử
16	Trương Hoài Phan	1976	ThS, Tin học	18	Kỹ thuật lập trình
					Nền tảng công nghệ cho hệ thống thông tin
17	Hồ Trung Thành	1975	PGS. TS, Kinh Tế	13	Thương mại điện tử
					Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định
18	Nguyễn Duy Nhất	1980	ThS, Tin học	12	Cơ sở dữ liệu
					Hệ thống thông tin kinh doanh
					Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP1
19	Lê Hoàng Sử	1978	TS, E-Business	12	Phân tích dữ liệu
					Phân tích dữ liệu nâng cao
					Thương mại điện tử
					Marketing điện tử

					Chuyển đổi số trong kinh doanh
					Phương pháp nghiên cứu liên ngành
20	Trần Quang Thân	1966	ThS, Quản trị kinh doanh	10	Cơ sở dữ liệu
21	Triệu Việt Cường	1982	ThS, Quản trị kinh doanh	8	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý
					Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định
22	Vũ Thúy Hằng	1988	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	11	Hệ thống thông tin kinh doanh
					Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP
23	Lê Hải Nam	1982	ThS, Khoa học máy tính	12	Thương mại trên mạng xã hội
					Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin
24	Lê Thị Kim Hiền	1990	TS, Hệ thống thông tin quản lý	8	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P1
					Hệ thống thông tin kinh doanh
25	Lê Quốc Hiếu	1976	TS, Quản trị Kinh doanh	6	Thương mại điện tử
26	Vũ Văn Điệp	1970	ThS, Quản trị kinh doanh	10	Hệ thống thông tin kinh doanh
					Thanh toán điện tử
27	Nguyễn Quang Hưng	1981	ThS, Quản lý CNTT	7	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin

					Quản lý dự án
					Thương mại điện tử
28	Nguyễn Quang Phúc	1989	ThS, Khoa học máy tính	5	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử
					Phân tích dữ liệu Web
					Thiết kế đồ họa và đa phương tiện
29	Trần Duy Thanh	1983	TS, Khoa học dữ liệu	14	Tin học cơ sở
					Kỹ thuật lập trình
					Phát triển thương mại di động
					Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh
30	Nguyễn Thôn Dã	1980	TS, Hệ thống thông tin	15	Các giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý
					Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain
31	Nguyễn Văn Hồ	1993	ThS, Hệ thống thông tin quản lý	2	Hệ thống thông tin kinh doanh
					Hệ quản trị CSDL
32	Lâm Hồng Thanh	1991	ThS, Quản trị thông tin	3	Phân tích dữ liệu với các giải pháp BI
					Phân tích dữ liệu trong kinh doanh
					Cơ sở dữ liệu
					Tự động hóa quy trình bằng Robot trong Thương mại điện tử

33	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	1985	ThS, Quản trị kinh doanh	3	Thương mại điện tử
					Thương mại trên mạng xã hội

12.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

[illegible]

10	Đinh Thị Điều	Đang cập nhật	GVC.Ths	Đang cập nhật	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
					Tư tưởng Hồ Chí Minh
11	Nguyễn Thị Hoa Phượng	Đang cập nhật	GVC.Ths	Đang cập nhật	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
					Tư tưởng Hồ Chí Minh
12	Trần Dũng	Đang cập nhật	TS	Đang cập nhật	Nhân học đại cương
13	Phạm Xuân Kiên	1975	TS		Khai phá dữ liệu
					Quản lý dự án Thương mại điện tử

12.3. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	ThS. Trần Thị Ánh (NCS)
2	TS. Lê Hoàn Sử
3	ThS. Vũ Văn Điệp (NCS)
4	TS. Trần Duy Thanh
5	ThS. Phạm Mạnh Cường
6	ThS. Lê Hải Nam
7	ThS. Lâm Hồng Thanh
8	ThS. Nguyễn Thế Đại Nghĩa (NCS)

9	GVC.ThS. Trương Hoài Phan
10	ThS. Nguyễn Duy Nhất (NCS)
11	ThS. Vũ Thúy Hằng
12	TS. Nguyễn Thôn Dã
13	TS. Lê Thị Kim Hiền
14	ThS. Nguyễn Quang Hưng (NCS)
15	ThS. Nguyễn Quang Phúc
16	ThS. Nguyễn Văn Hồ

13. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

(xem Phụ lục)

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2023-2024

15. Kế hoạch bảo đảm chất lượng

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

16. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

(xem Phụ lục)

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình

(xem Phụ lục)

TRƯỞNG KHOA



Lê Hoàng Sử

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Công Gia Khánh

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Hợp đồng lao động		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Giảng viên cơ hữu	Giảng viên hợp đồng trên 12 tháng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Trương Hoài Phan	087076000154, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2002	Tin học	X		0202086181	18		2	
	20/12/1976											
2	Nguyễn Thôn Dã	064080000076, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Hệ thống thông tin	X		0207253075	15	2	2	
	30/05/1980											

3	Lê Thị Kim Hiền	0, Việt Nam		Tiến sỹ, Đài Loan, 2022	Quản lý thông tin	X		7912066295				
	20/08/1990											
4	Hà Hải Đăng	095094002717, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2019	Quản trị kinh doanh	X		7916261186				
	20/03/1994											
5	Trần Quang Thân	079066010623, Việt Nam		Thạc sỹ, Malaysia, 2015	Quản trị kinh doanh	X		0204160013	10		1	
	19/10/1966											
6	Nguyễn Quang Phúc	080089012389, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2016	Khoa học máy tính	X		7916464392	5			
	26/04/1989											
7	Hồ Trung Thành	074075004201, Việt Nam	PGS. TS, 2023	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Khoa học máy tính	X		0204371656	13			
	06/08/1975											
8	Phạm Mạnh Cường	240875812, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Hệ thống thông tin quản lý	X		7912147116	8	0	1	
	08/06/1986											

9	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	079085010070, Việt Nam		Thạc sỹ, Hoa Kỳ, 2011	Quản trị kinh doanh	X		7912272665	3			
	03/02/1985											
10	Nguyễn Duy Nhất	023459704, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2006	Tin học	X		0207115434	12			
	12/10/1980											
11	Lê Hải Nam	079082019468, Việt Nam		Thạc sỹ, Nga, 2007	Tin học và toán ứng dụng	X		0207379763	12			
	28/07/1982											
12	Phan Công Chính	1234567890, Việt Nam		Tiến sỹ, Việt Nam, 2006	Công nghệ thông tin		X (Hợp đồng chuyên môn)	0	11			
	28/04/1972											
13	Nguyễn Văn Hồ	215217065, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt Nam, 2020	Hệ thống thông tin quản lý	X		7915302534	2			
	12/02/1993											
14	Vũ Thúy Hằng	070188000211, Việt Nam		Thạc sỹ, Việt	Hệ thống thông tin	X		7910522889	11		2	

20	Vũ Văn Điệp	034070021650, Việt Nam		Thạc sỹ, Malaysia, 2013	Quản trị kinh doanh	X		0203341866	10		1	
	10/03/1970											
21	Phan Phi Yến	271743181, Việt Nam		Thạc sỹ, Anh, 2013	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	X		7910100161	0			
	09/08/1987											
22	Trần Duy Thanh	250592829, Việt Nam		Tiến sỹ, Hàn Quốc, 2023	Khoa học dữ liệu	X		7911444394	7	2	2	
	20/12/1983											
23	Lê Quốc Hiếu	025362645, Việt Nam			Công nghệ thông tin		X (Hợp đồng chuyên môn)	0	6			
	10/03/1976											

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

12.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, học phần trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc			Tự chọn	
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mai Lê Thúy Vân	Kinh tế vi mô	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				x
2	Nguyễn Anh Thường	Logic học	Học kỳ 1 năm thứ nhất			x		
3	Nguyễn Đình Ưông	Toán kinh tế	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				
4	Nguyễn Thị Thu Trang	Nhập môn Luật học	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				
5	Phạm Chí Khoa	Tài chính cá nhân	Học kỳ 1 năm thứ nhất			x		
6	Mạch Thị Khánh Trinh	Triết học Mác-Lênin	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				

7	Đào Thị Thu Hằng	Pháp luật doanh nghiệp	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				
8	Nguyễn Phương An	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				
9	Huỳnh Thanh Tú	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	Học kỳ 1 năm thứ nhất			x		
10	Trần Thị Hồng Liên	Nghệ thuật lãnh đạo	Học kỳ 1 năm thứ tư			x		
11	Kim Thị Dung	Khoa học giao tiếp	Học kỳ 2 năm thứ nhất			x		
12	Nguyễn Thị Anh Thư	Tâm lý ứng dụng	Học kỳ 2 năm thứ nhất			x		
13	Đinh Thị Điều	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				
14	Đỗ Thị Ngát	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
15	Hồ Thị Hồng Minh	Nguyên lý thị trường tài chính	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
16	Hồ Xuân Thuỷ	Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				
17	Huỳnh Ngọc Chương	Kinh tế vĩ mô	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				
18	Nguyễn Thị Hồng Xoan	Xã hội học	Học kỳ 2 năm thứ nhất			x		
19	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	Thống kê trong kinh doanh	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				

20	Phùng Thanh Bình	Marketing	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Sáng tạo và khởi nghiệp	Học kỳ 1 năm thứ nhất				x	
21	Võ Thị Lệ Uyên	Kinh tế lượng	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				
22	Bạch Thị Thu Hiền	Văn hóa học	Học kỳ 2 năm thứ nhất			x		
23	Bùi Thạch Hồng Hưng	Quan hệ quốc tế	Học kỳ 2 năm thứ nhất			x		
24	Nguyễn Minh Châu	Quản trị học	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				
25	Huỳnh Thị Ly Na	Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				
26	Phạm Quốc Thuận	Nguyên lý kế toán	Học kỳ 2 năm thứ nhất	x				
27	Lợi Minh Thanh	Kế toán tài chính	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
28	Lê Hoàng Vinh	Quản trị tài chính	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				
29	Phạm Mỹ Duyên	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				
30	Lâm Hồng Thanh	Công nghệ thông tin và thông tin (New ICT)	Học kỳ 1 năm thứ nhất			x		
		Cơ sở dữ liệu	Học kỳ 2 năm thứ hai					

		Chuyển đổi số trong kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ tư			x		
		Tự động hóa quy trình bằng Robot trong Thương mại điện tử (đối với sinh viên không làm KLTN)	Học kỳ 2 năm thứ tư			x		
31	Lê Hải Nam	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Thương mại trên mạng xã hội	Học kỳ 1 năm thứ tư			x		
32	Lê Hoàng Sử	Phân tích dữ liệu	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Phân tích marketing số	Học kỳ 1 năm thứ hai			x		
		Công nghệ marketing	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				
		Thanh toán điện tử	Học kỳ 1 năm thứ tư	x				
33	Lê Thị Kim Hiền	Quản lý dự án Hệ Thống Thông Tin (đối với sinh viên không làm KLTN)	Học kỳ 2 năm thứ tư			x		
		Phương pháp nghiên cứu liên	Học kỳ 2 năm thứ hai			x		

		ngành						
34	Lợi Minh Thanh	Kế toán tài chính	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
35	Nguyễn Duy Nhất	Hệ thống thông tin kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	Học kỳ 1 năm thứ hai			x		
36	Nguyễn Quang Hưng	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ tư	x				
37	Nguyễn Quang Phúc	Tư duy lập trình	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Phát triển Web kinh doanh	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Phát triển web kinh doanh nâng cao	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				
38	Trần Duy Thanh	Kỹ thuật lập trình	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				
		Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	Học kỳ 2 năm thứ ba			x		
		Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	Học kỳ 2 năm thứ ba			x		

		Phát triển Thương mại di động	Học kỳ 1 năm thứ tư	x				
		Phân tích dữ liệu nâng cao	Học kỳ 1 năm thứ tư			x		
39	Trần Thị Ánh	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				
		Thương mại điện tử	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				
		Quản trị bán lẻ trực tuyến	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
		Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				
40	Vũ Thúy Hằng	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	Học kỳ 1 năm thứ hai			x		
		Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
41	Trương Hoài Phan	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
42	Trần Quang Thân	Cơ sở dữ liệu	Học kỳ 2 năm thứ hai	x				
43	Triệu Việt Cường	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	Học kỳ 1 năm thứ hai	x				
44	Lê Quốc Hiếu	Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				

45	Phạm Mạnh Cường	Công nghệ marketing	Học kỳ 2 năm thứ ba	x				
		Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	Học kỳ 1 năm thứ nhất	x				
46	Nguyễn Thôn Dã	Phân tích dữ liệu WEB	Học kỳ 1 năm thứ tư			x		

12.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Hoàn Sử, 18/09/1978, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2016	Kinh doanh điện tử	
2	Lê Thị Kim Hiền, 20/08/1990, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ, Đài Loan, 2022	Quản lý thông tin	

12.4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy học phần

STT	Học phần	Mã học phần	Họ tên giảng viên giảng dạy 1	Họ tên giảng viên giảng dạy 2	Họ tên giảng viên giảng dạy 3
HỌC KỲ 1					
Học phần bắt buộc	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	BIE4009	Tất cả Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử		
	Kinh tế vi mô	BEE1037	Mai Lê Thúy Vân	Lê Huy Đoàn	Trần Lục Thanh Tuyền
	Nhập môn Luật học	BLB1048	Nguyễn Thị Thu Trang	Trần Thị Thu Ngân	Nguyễn Thị Khánh Ngọc

	Toán kinh tế	BMM2024	Nguyễn Đình Ưông	Lê Anh Vũ	Trương Quang Nhật
Học phần tự chọn	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	BIE1051	Lâm Hồng Thanh	Vũ Văn Điệp	Nguyễn Văn Hò
	Logic học	BDG1011	Nguyễn Anh Thường	Nguyễn Trung Hiếu	
	Tài chính cá nhân	BFF1047	Phạm Chí Khoa	Nguyễn Hoàng Anh	
	Sáng tạo và khởi nghiệp	BBM1065	Phùng Thanh Bình		
	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	BBB1068	Huỳnh Thanh Tú	Trần Thị Hồng Liên	
	Giáo dục thể chất 1	BDG1012			
HỌC KỲ 2					
Học phần bắt buộc	Triết học Mác-Lênin	BDG1001	Mạch Thị Khánh Trinh	Nguyễn Thị Kim Chung	
	Pháp luật doanh nghiệp	BKB1046	Đào Thị Thu Hằng	Bùi Nguyễn Trà My	
	Kinh tế vĩ mô	BEE1038	Huỳnh Ngọc Chương	Trần Lục Thanh Tuyền	Huỳnh Thị Ly Na
	Nguyên lý kế toán	BAA2028	Hồ Xuân Thuỷ	Phạm Thị Huyền Quỳn	Huỳnh Thị Ly Na
	Quản trị học	BBB1067	Nguyễn Minh Châu	Nguyễn Thị Yến	Nguyễn Thị Hồng Gấm

	Thống kê trong kinh doanh	BMA2022	Nguyễn Thị Mộng Ngọc	Nguyễn Phúc Sơn	Nguyễn Đình Ưông
Học phần tự chọn	Tâm lý ứng dụng	BDG1006	Nguyễn Thị Anh Thư	Lê Đào Anh Khương	
	Khoa học giao tiếp	BDG1007	Kim Thị Dung	Hà Văn Tú	
	Xã hội học	BDG1008	Nguyễn Thị Hồng Xoan		
	Quan hệ quốc tế	BDG1009	Bùi Thạch Hồng Hưng		
	Văn hóa học	BDG1010	Bạch Thị Thu Hiền	Nguyễn Ngọc Thơ	
	Giáo dục thể chất 2	DDG1013			
	Giáo dục Quốc phòng (4 tuần)	BDG1014			
HỌC KỲ 3					
Học phần bắt buộc	Kế toán tài chính	BAA2029	Lợi Minh Thanh	Trần Thanh Thuý Ngọc	Nguyễn Chí Hiếu
	Tư duy lập trình	BIM3049	Nguyễn Quang Phúc	Trương Hoài Phan	Trần Duy Thanh
	Nguyên lý thị trường tài chính	BFF2044	Hồ Thị Hồng Minh	Nguyễn Hoàng Anh	
	Phân tích dữ liệu	BMA2025	Lê Hoành Sử	Lâm Hồng Thanh	Vũ Thúy Hằng
	Hệ thống thông tin kinh doanh	BIM2050	Nguyễn Duy Nhất	Nguyễn Quang Hưng	Nguyễn Thế Đại Nghĩa

	Marketing	BBM2066	Phùng Thanh Bình	Ngô Thị Dung	Đỗ Đức Khả
	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	BIM5020	Lê Hải Nam	Trương Hoài Phan	
HỌC KỲ 4					
Học phần bắt buộc	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BEE1002	Phạm Mỹ Duyên	Phạm Thị Mỹ Duyên, Phùng Thế Tám	
	Kỹ thuật lập trình	BIE5019	Trần Duy Thanh	Nguyễn Quang Phúc	Trương Hoài Phan
	Quản trị tài chính	BFF2045	Lê Hoàng Vinh	Tô Thị Thanh Trúc	
	Kinh tế lượng	BMA2023	Võ Thị Lệ Uyên	Lê Thanh Hoa	
	Thương mại điện tử	BIE5043	Trần Thị Ánh	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	
	Cơ sở dữ liệu	BIE3004	Lâm Hồng Thanh	Trần Quang Thân	
Học phần tự chọn	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	BIE5032	Lê Hoàng Sử	Lê Thị Kim Hiền	
	Kinh tế quốc tế	BRE2030			
HỌC KỲ 5					
Học phần	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	BDG1003	Đỗ Thị Ngát	Lê Thị Hồng Vân	Huỳnh Quốc Thịnh

bắt buộc	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	BIE4040	Nguyễn Quang Phúc		
	Phát triển Web kinh doanh	BIE5030	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	Trần Thị Ánh
	Quản trị bán lẻ trực tuyến	BIE4036	Trần Thị Ánh	Nguyễn Thế Đại Nghĩa	
	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	BIM5022	Vũ Thúy Hằng	Triệu Việt Cường	
Học phần tự chọn	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	BIE5038	Vũ Thúy Hằng		
	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	BIE5045	Nguyễn Duy Nhất	Vũ Thúy Hằng	
	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	BIM5018	Nguyễn Thế Đại Nghĩa		
	Phân tích marketing số	BIM5026	Lê Hoành Sử	Lê Thị Kim Hiền	
HỌC KỲ 6					
Học phần bắt buộc	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BDG1005	Đinh Thị Điều	Đinh Khánh Bằng	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BDG1004	Nguyễn Phương An	Phan Thị Lệ Hương	
	Công nghệ marketing	BIE4005	Lê Hoành Sử	Phạm Mạnh Cường	
	Phát triển web kinh doanh nâng cao	BIE5031	Nguyễn Quang Phúc	Trần Duy Thanh	
	Kiến tập (411)	BUU6002	Tất cả GV Khoa		

	Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử	BIE4033	Trần Thị Ánh		
Học phần tự chọn	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	BIM4014	Trần Duy Thanh	Trương Hoài Phan	
	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	BIM5006	Trần Duy Thanh		
HỌC KỲ 7					
Học phần bắt buộc	An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin	BIM5001	Nguyễn Quang Hưng	Trương Hoài Phan	Lê Hải Nam
	Thanh toán điện tử	BIE4039	Lê Hoàn Hử	Phạm Mạnh Cường	
	Phát triển Thương mại di động	BIE5028	Trần Duy Thanh	Nguyễn Quang Phúc	
Học phần tự chọn	Phân tích dữ liệu WEB	BIE4025	Nguyễn Thôn Dã	Nguyễn Văn Hồ	
	Thương mại trên mạng xã hội	BIE4044	Lê Hải Nam	Vũ Thúy Hằng	Trần Duy Thanh
	Phân tích dữ liệu nâng cao	BIM5024	Trần Duy Thanh	Lâm Hồng Thanh	
	Chuyển đổi số trong kinh doanh	BIE5003	Lâm Hồng Thanh	Vũ Văn Điệp	Nguyễn Thế Đại Nghĩa
	Nghệ thuật lãnh đạo	BBB5027	Huỳnh Thanh Tú	Trần Thị Hồng Liên	
	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	BIM5017	Trần Duy Thanh		
HỌC KỲ 8					

Học phần bắt buộc	Thực tập cuối khóa	BUU6003	Tất cả Giảng viên Khoa		
Học phần tự chọn	Tự động hóa quy trình bằng Robot trong Thương mại điện tử (đối với sinh viên không làm KLTN)	BIE4048	Lâm Hồng Thanh	Trần Duy Thanh	
	Quản lý dự án Hệ Thống Thông Tin (đối với sinh viên không làm KLTN)	BIM4034	Lê Thị Kim Hiền	Lê Thị Kim Hiền	Hà Hải Đăng
	Khóa luận tốt nghiệp (đối với sinh viên không học chuyên đề)	BUU6001	Trần Thị Ánh		

13.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Học phần /học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	111	19.367		Năm học	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	2.611		Năm học	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	838		Học kỳ	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	78	14.643,50		Học kỳ	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	4	240		Học kỳ	

1.5	Số phòng học đa phương tiện	6	720		Năm học	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	17	314,5		Năm học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.728		Năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	11.433		Học kỳ	

13.2. Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Triết học Mác-Lênin	BDG1001	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
2	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh	BDG1004	Học kỳ 2 năm thứ ba	
3	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BDG1005	Học kỳ 2 năm thứ ba	

4	Giáo trình CNXH khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học	BDG1003	Học kỳ 1 năm thứ bái	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB CTQG Sự thật, 2019		Kinh tế chính trị Mác – LêNin	BDG1002	Học kỳ 2 năm thứ hai	
6	A Companion to Cultural Studies	Toby Miller	Backwell, 2001		Văn hóa học	BDG1010	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
7	The Uses of Cultural Studies	Angela McRobbie	SAGE Publications, 1997					
8	Cultural Studies and the Study of Popular Culture	Storey, John	Edinburgh University, 2010					
9	Sociology. 14th New International Edition	John J. Macionis	Pearson Education: Essex, 2015		Xã hội học	BDG100	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
10	World Politics	Charles W.Keglev, Shannon L.Blanton	Wadsworth, 2010- 2011		Quan hệ quốc tế	BDG1009	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
11	Trend and Transformation							
12	Psychology	David G. Myers	Worth Publishers, 2015		Tâm lý ứng dụng	BDG1006	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
13	Business Communication: Proccess and Product	Mary Ellen Guffey	South-Western College Pub, 2014		Khoa học giao tiếp	BDG1007	Học kỳ 2 năm thứ nhất	

14	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN, 2003		Pháp luật doanh nghiệp	BKB1046	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
15	Business Law, 6th ed	Jane Mallor	McGraw Hill, 2015					
16	Logic	Irving M.Copi and Carl Cohen	Published by Macmillan Publishing Company, New York, 1994		Logic học	BDG1011	Học kỳ 1 năm thứ nhất	
17	Critical Thinking Tools for Taking Charge of Your Professional and Personal Life	Richard Paul và Linda Elder	Published by Financial Times Prentice Hall, 2002					
18	Digital Transformation: Build Your Organization's Future for the Innovation Age	Lindsay Herbert	Bloomsbury Business, 2017		Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	BIM5006	Học kỳ 2 năm thứ ba	
19	Artificial Intelligence for Business: What You Need to Know about Machine Learning and Neural Networks	Doug Rose	Chicago Lakeshore Press, 2018					
20	Microeconomics	David Begg, Stanley Fischer	Statistics Publisher, 2013		Kinh tế vi mô	BEE1037	Học kỳ 1 năm thứ nhất	
21	Macroeconomics	Gregory Mankiw	Statistics Publisher, 2013		Kinh tế vĩ mô	BEE1038	Học kỳ 2 năm thứ nhất	

22	Essentials of Contemporary Management	Gareth R Jones, Jenifer M. George	Mc Graw HillHill, 2020		Quản trị học	BBB1067	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
23	Mathematics for Economics and Business, 9th edition.	Ian Jacques	Pearson Education Limited, 2018		Toán kinh tế	BMM2024	Học kỳ 1 năm thứ nhất	
24	Statistics for Business and Economics: 11th ed	Anderson, Sweeney và Williams	South-Western Cengage Learning, 2010		Thống kê trong kinh doanh	BMA2022	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
25	Fundamentals of accounting principles	John J. Wild, Kermit D Larson, Barbara Chiappetta	McGraw Hill, 2015		Nguyên lý kế toán	BAA2028	Học kỳ 2 năm thứ nhất	
26	Economics of Money, Banking and Financial Markets", 11th ed	Frederic S. Mishkin	Pearson, 2014		Nguyên lý thị trường tài chính	BFF2044	Học kỳ 1 năm thứ hai	
27	Marketing căn bản (tham khảo)	Phan Đình Quyền, Trần Thị Ý Nhi, Võ Thị Ngọc Trinh	NXB ĐHQG TP.HCM, 2013		Marketing	BBM2066	Học kỳ 1 năm thứ hai	
28	Principle of Marketing: 17th ed	Kotler P. và Armstrong	Pearson, 2019		Marketing	BBM2066	Học kỳ 1 năm thứ hai	
29	Integrated Business Processes with ERP	Simha R. Magal	Wiley, 2011		Hệ thống thông tin kinh doanh	BIM2050	Học kỳ 1 năm thứ hai	

30	International Economics: Theory and Policy, 11th ed	Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld	Pearson, 2018		Kinh tế quốc tế	BRE2030	Học kỳ 2 năm thứ hai	
31	Kỹ thuật lập trình cơ bản	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2019		Tư duy lập trình	BIM3049	Học kỳ 1 năm thứ hai	
32	Kỹ thuật lập trình nâng cao	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2020		Kỹ thuật lập trình	BIE5019	Học kỳ 2 năm thứ hai	
33	Lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Văn Thọ, Trần Duy Thanh, Phó Hải Đăng	NXB Lao Động, 2023					
34	Integrated Business Processes with ERP	Simha R. Magal	Wiley, 2011		Hệ thống thông tin kinh doanh	BIM2050	Học kỳ 1 năm thứ hai	
35	Computer Networking – A Top Down Approach - 6th Edition	James F.Kurose và Keith W.Ross	, 2013		Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	BIM5020	Học kỳ 1 năm thứ hai	
36	E-Commerce 2019: Business, Technology and Society (15th Edition)	Kenneth C. Laudon • Carol Guercio Traver	Pearson, 2020		Thương mại điện tử	BIE5043	Học kỳ 2 năm thứ hai	

37	[1] <i>Managing Digital Transformation: Understanding the Strategic Process.</i>	[1] Hinterhuber, A., Vescovi, T. and Checchinato, F. eds.,	[1]Routledge, [1]2021.					
38	[2]. <i>Digital Transformation – Chuyển đổi số,</i>	[2] Lindsay Herbert, Nguyễn Bích Phương dịch.	[2]Alphabooks, [2]2020.		Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	BIM5006	Học kỳ 2 năm thứ ba	
39	Analytics, Data Science, và Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education, 2021					
40	Modern Database Management	Jeffrey A. Hoffer	Pearson Education, 2016					
41	Financial Accounting: 3rd ed	Weygandt, Kimmel và Kieso,	Wiley, 2015		Cơ sở dữ liệu	BIE3004	Học kỳ 2 năm thứ hai	
42	“Systems Analysis and Design”, 9th Edition,	K. Kendall và J. Kendall	Prentice Hall, Pearson Education, 2014		Kế toán tài chính	BAA2029	Học kỳ 1 năm thứ hai	
43	Digital Transformation - Chuyển Đổi Số	Lindsay Herbert (Nguyễn Bích Phương dịch)	NXB Thông Tin và Truyền Thông, 2020		Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	BIM5022	Học kỳ 1 năm thứ hai	
					Chuyển đổi số trong kinh doanh	BIE5003	Học kỳ 1 năm thứ tư	

44	E-marketing: International Student Edition (8th edition)	Alexa Fox Judy Strauss, Frost Raymond D.	Routledge, 2018		Công nghệ marketing	BIE4005	Học kỳ 2 năm thứ ba	
45	E-Logistics: Managing Your Digital Supply Chains for Competitive Advantage	Yingli Wang, Steve Pettit	Kogan Page, 2016		Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử	BIE4033	Học kỳ 2 năm thứ ba	
46	Programming in HTML5 with JavaScript and CSS3		PUBLISHED BY Microsoft Press,		Phát triển Web Kinh doanh	BIE5030	Học kỳ 1 năm thứ hai	
47	Android 4 Application Development	Reto Meier	Wiley, 2012		Phát triển thương mại di động	BIE5028	Học kỳ 1 năm thứ tư	
48	Phát triển ứng dụng di động cơ bản	Lê Hoàn Hử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2017					
49	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	Lê Hoàn Hử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2017					
50	Principles, Policies, and Applications of Kotlin Programming	Duy Thanh Tran, Jun-Ho Huh	IGI Global USA, 2023					
51	Electronic Customer relationship management,	Jerry Fjermestad, Nicholas C., Jr. Romano	M.E. Sharpe,, 2015		Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	BIE5038	Học kỳ 1 năm thứ hai	

52	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal	WILEY, 2012		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	BIE5045	Học kỳ 1 năm thứ hai	
53		Jeffrey Word						
54	Python for Data Analysis: Data Wrangling with Pandas, NumPy, and Ipython, 2nd edition	Wes McKinney	O'Reilly Media, 2017		Phân tích dữ liệu nâng cao	BIM5024		
55	Retail Management: A Strategic Approach, Global Edition (13th)	Barry R. Berman và Joel R. Evans	Pearson Education, 2018		Quản trị bán lẻ trực tuyến	BIE4036	Học kỳ 1 năm thứ hai	
56	Phát triển ứng dụng di động cơ bản				Phát triển Thương mại di động	BIE5028	Học kỳ 1 năm thứ tư	
57	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	Lê Hoàng Sử, Hồ Trung Thành, Trần Duy Thanh	ĐHQG, 2017					
58	Ecommerce Security Methods, Protocols and Solutions	Prashant Pittalia	LAP LAMBERT Academic Publishing, 2015		An toàn và bảo mật Thương mại điện tử	BIM5001	Học kỳ 1 năm thứ tư	
59	Ecommerce Security Issues, Policies and Model							

60	Ecommerce Security Real Life Cases and Practical Solutions							
61	E-Commerce Law: The Legal Compliance Handbook for Online Business 2020	Tom James	Echion, LLC, 2020					
62	Electronic Payment Systems for Competitive Advantage in E-Commerce	Donal O'Mahony, Michael Peirce, Hitesh Tewari	IGI Global, 2014		Thanh toán điện tử	BIE4039	Học kỳ 1 năm thứ tư	
63	Mining the Social Web	Matthew A. Russell, Mikhail Klassen	O'Reilly Media, Inc., 2019		Phân tích dữ liệu WEB	BIE4025	Học kỳ 1 năm thứ tư	
64	Robotic Process Automation Projects Build real-world RPA solutions using UiPath and Automation Anywhere	Nandan Mullakara, Arun Kumar Asokan	Packt Publishing Ltd, 2020		Tự động hóa quy trình bằng Robot trong Thương mại điện tử	BIE4048		
65	Analytics, Data Science, và Artificial Intelligence, 11e, Global Edition	Ramesh Sharda, Dursun Delen, and Efraim Turban	Pearson Education, 2021		Phân tích dữ liệu	BMA2025	Học kỳ 1 năm thứ hai	
66	Managing Digital Transformation	Andreas Hinterhuber, Tiziano Vescovi, Francesca Checchinato	Routledge, 2021		Quản trị chuyển đổi số			

67	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	TS. Huỳnh Thanh Tú, NXB ĐHQG TP.HCM	NXB ĐHQG TP.HCM, 2015		Nghệ thuật lãnh đạo	BBB5027	Học kỳ 1 năm thứ tư	
68	Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp	Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền, Nhà xuất bản Lao động Xã hội	Nhà xuất bản Lao động Xã hội					
69	Nghệ thuật và phương pháp lãnh đạo doanh nghiệp,)	Lê Anh Cường, Nguyễn Thị Lệ Huyền, Nhà xuất bản Lao động Xã hội.	Nhà xuất bản Lao động Xã hội.					
70	Introduction to Leadership: Concepts and Practice Edition 4.	Northouse, P. G., Thousand Oaks: Sage Publications.	Thousand Oaks: Sage Publications.					
71	Social Commerce Marketing, Technology and Management	Efraim Turban, Judy Strauss, Linda Lai	Springer International Publishing Switzerland, 2016		Thương mại trên mạng xã hội	BIE4044	Học kỳ 1 năm thứ tư	
72	Social Science Research: Principles, Methods, and Practices, 2nd edition	Anol Bhattacharjee	2012		Phương pháp nghiên cứu liên ngành	BIE5032	Học kỳ 2 năm thứ hai	
73								
74	Understanding Research Methods, 10th ed	Mildred L. Patten	Routledge, 2017					

13.3. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ học phần sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nhiệt Kế Chữ T, Đầu Dò Dài 300mm HI145-20 Hanna	2010		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
2	Ampli trung tâm dùng cho hội thảo	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
3	Hệ thống máy chủ	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
4	Bảng điện tử led 3 màu, chạy chữ, kết nối máy tính hiển thị thông tin chứng khoán	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
5	Amplify Mixer 60W	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
6	Loa hộp 30W	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
7	Máy in	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
8	Máy chiếu	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
9	Máy scanner	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
10	Phần mềm chống đạo văn trong 2 năm, 5000 tài khoản sinh viên, 300 tài khoản giảng viên	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		

11	Phần mềm quản lý wifi, bản quyền 5 năm	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
12	Máy chủ tọa	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
13	Thiết bị tường lửa bên trong	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
14	Tủ đựng hồ sơ	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
15	Thiết bị tường lửa bên ngoài	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
16	Ghế có mặt bàn trên tay vịn	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
17	Ghế xoay	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
18	Ghế chân quỳ	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
19	Máy đại biểu	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
20	Máy vi tính thực hành cho giáo viên và sinh viên	2016		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
21	Hệ thống lưu trữ	2017		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
22	Bảng tương tác 86 inch	2020		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
23	Cơ sở dữ liệu Hein-online	2020		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
24	Bảng tương tác 86 inch	2020		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		

25	Phần mềm SAP Business One	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
26	Bàn máy tính - nhóm 1 (2352x2173x900)mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
27	Bàn máy tính - nhóm 2 (1400x700x750)mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
28	Bàn máy tính - nhóm 4 (900x700x750)mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
29	Bàn máy tính - nhóm 3 (1200x700x750)mm	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
30	Máy scan :HP Scanjet ENT 7500 Flatbed Scanner	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
31	Máy in laser A3 : HP LASERJET PRO M706N	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
32	Thiết bị chuyển mạch cho hệ thống máy tính : Catalyst 2960-X24 GigE 4x1G SFP LAN Base	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
33	Máy tính trạm làm việc : Dell XPS 8900	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
34	Máy chiếu :Sony VPL-EX295	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
35	Card màn hình máy tính dùng để lập trình tính toán song song (theo mô hình CUDA với GPU)	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		
36	Màn hình máy tính (Monitor)-LCD LG 24"	2015		Toàn trường	Sử dụng theo nhu cầu	Năm học		

16. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần

T T	Học Kỳ	MSHP	Tên Học Phần	Số Tín Chỉ	Chuẩn Đầu Ra Của Chương Trình Đào Tạo												
					Kiến Thức					Kỹ Năng				Mức Tự Chủ Và Trách Nhiệm			Tổng Số
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]
1	1	BIE4009	Giới thiệu ngành Thương mại điện tử	2		x				x						x	3
2	1	BEE1037	Kinh tế vi mô	3	x						x				x		3
3	1	BLB1048	Nhập môn Luật học	3	x		x			x		x				x	5
4	1	BMM2024	Toán kinh tế	3	x						x			x			3
5	1	BIE1051	Công nghệ thông tin và truyền thông mới (New ICT)	2		x				x				x			3
6	1	BDG1011	Logic học	2	x							x				x	3
7	1	BFF1047	Tài chính cá nhân	2		x						x				x	3
8	1	BBM1065	Sáng tạo và khởi nghiệp	2				x			x	x				x	4
9	1	BBB1068	Kỹ năng lãnh đạo (Leadership)	2	x								x	x		x	4
10	1	BDG1012	Giáo dục thể	3											x		1

[illegible]

T T	Học Kỳ	MSHP	Tên Học Phần	Số Tín Chỉ	Chuẩn Đầu Ra Của Chương Trình Đào Tạo												
					Kiến Thức					Kỹ Năng				Mức Tự Chủ Và Trách Nhiệm			Tổng Số
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]
			phòng (4 tuần)														
24	3	BAA2029	Kế toán tài chính	3	x	x											2
25	3	BIM3049	Tư duy lập trình	3		x					x		x	x	x	x	6
26	3	BFF2044	Nguyên lý thị trường tài chính	3	x	x											2
27	3	BMA2025	Phân tích dữ liệu	3		x					x					x	3
28	3	BIM2050	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		x	x		x	x		x				x	6
29	3	BBM2066	Marketing	2	x					x					x		3
30	3	BIM5020	Nền tảng công nghệ cho Hệ thống thông tin	2		x				x		x	x		x		5
31	4	BEE1002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x											x	2
32	4	BIE5019	Kỹ thuật lập trình	3		x					x			x	x	x	5
33	4	BFF2045	Quản trị tài chính	3	x	x									x		3
34	4	BMA2023	Kinh tế lượng	3	x	x									x		2

T T	Học Kỳ	MSHP	Tên Học Phần	Số Tín Chỉ	Chuẩn Đầu Ra Của Chương Trình Đào Tạo												
					Kiến Thức					Kỹ Năng				Mức Tự Chủ Và Trách Nhiệm			Tổng Số
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]
35	4	BIE5043	Thương mại điện tử	3		x		x	x			x		x			5
36	4	BIE3004	Cơ sở dữ liệu	3		x				x	x	x		x			5
37	4	BIE5032	Phương pháp nghiên cứu liên ngành	2		x					x			x			3
38	4	BRE2030	Kinh tế quốc tế	2	x	x							x				3
39	5	BDG1003	Chủ nghĩa Xã Hội Khoa Học	2	x											x	2
40	5	BIE4040	Thiết kế đồ họa và đa phương tiện	3		x						x	x	x	x		5
41	5	BIE5030	Phát triển Web kinh doanh	3		x	x	x	x	x				x			6
42	5	BIE4036	Quản trị bán lẻ trực tuyến	2		x	x		x	x						x	5
43	5	BIM5022	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin	3		x	x		x			x				x	5
44	5	BIE5038	Quản trị quan hệ khách hàng	2				x		x			x	x		x	5

T T	Học Kỳ	MSHP	Tên Học Phần	Số Tín Chỉ	Chuẩn Đầu Ra Của Chương Trình Đào Tạo												
					Kiến Thức					Kỹ Năng				Mức Tự Chủ Và Trách Nhiệm			Tổng Số
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]
			điện tử														
45	5	BIE5045	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 1	2			x	x	x	x		x		x			6
46	5	BIM5018	Kỹ thuật kiểm thử phần mềm	2			x				x		x		x	x	5
47	5	BIM5026	Phân tích marketing số	2		x	x			x		x				x	5
48	6	BDG1005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	x										x		2
49	6	BDG1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x										x		2
50	6	BIE4005	Công nghệ marketing	3		x			x	x			x			x	5
51	6	BIE5031	Phát triển web kinh doanh nâng cao	2		x	x		x		x			x			5
52	6	BUU6002	Kiến tập	2		x		x			x	x			x		5
53	6	BIE4033	Quản lý chuỗi	2		x	x		x			x				x	5

T T	Học Kỳ	MSHP	Tên Học Phần	Số Tín Chỉ	Chuẩn Đầu Ra Của Chương Trình Đào Tạo												
					Kiến Thức					Kỹ Năng				Mức Tự Chủ Và Trách Nhiệm			Tổng Số
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]
			cung ứng trong Thương mại điện tử														
54	6	BIM4014	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3		x	x			x		x				x	5
55	6	BIM5006	Giải pháp AI trong kinh doanh và quản lý	3			x			x		x	x			x	5
56	7	BIM5001	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3	x	x				x				x		x	5
57	7	BIE4039	Thanh toán điện tử	3		x		x	x			x		x			5
58	7	BIE5028	Phát triển Thương mại di động	3		x	x				x	x				x	5
59	7	BIE4025	Phân tích dữ	3		x	x			x			x		x		5

T T	Học Kỳ	MSHP	Tên Học Phần	Số Tín Chỉ	Chuẩn Đầu Ra Của Chương Trình Đào Tạo												
					Kiến Thức					Kỹ Năng				Mức Tự Chủ Và Trách Nhiệm			Tổng Số
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]
			liệu WEB														
60	7	BIE4044	Thương mại trên mạng xã hội	3	x	x	x			x		x		x			6
61	7	BIM5024	Phân tích dữ liệu nâng cao	3		x	x				x	x		x			5
62	7	BIE5003	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	x	x	x						x			x	5
63	7	BBB5027	Nghệ thuật lãnh đạo	3	x											x	2
64	7	BIM5017	Hợp đồng thông minh và công nghệ Blockchain	3		x	x	x					x	x			5
65	8	BUU6003	Thực tập cuối khóa	4		x	x			x				x	x	x	6
66	8	BIE4048	Chuyên đề: Tự động hóa quy trình bằng Robot trong Thương mại	2			x		x			x		x	x	x	6

17. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình

SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC KHÓA 2023

Tên ngành: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mã ngành: 7340122

